



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2915/MB-HS

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2026

V/v: Công bố thông tin định kỳ về tình hình thực hiện các cam kết với người sở hữu trái phiếu MB kỳ báo cáo năm 2026

Kính gửi : - Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- Quý Nhà đầu tư

Căn cứ quy định tại Thông tư số 76/2024/TT-BTC ngày 06/11/2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ công bố thông tin và báo cáo về chào bán, giao dịch trái phiếu riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế, Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) gửi nội dung công bố thông tin định kỳ về tình hình thực hiện các cam kết của doanh nghiệp phát hành đối với người sở hữu trái phiếu cho kỳ báo cáo năm 2024 như sau:

1. Thông tin doanh nghiệp:

- Tên doanh nghiệp: **Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân Đội**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100283873 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 30/09/1994, thay đổi lần thứ 54 ngày 16/05/2024
- Giấy phép thành lập và hoạt động: Giấy phép thành lập và hoạt động lần đầu số 0054/NH-GP ngày 14/09/1994, thay thế bằng giấy phép số 03/GP-NHNN ngày 16 tháng 01 năm 2026 và các quyết định sửa đổi bổ sung.
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 18 Lê Văn Lương, Phường Yên Hòa, Hà Nội
- Số điện thoại: 024.6266.1088
- Số Fax giao dịch: 024.6266.1080
- Địa chỉ thư điện tử: info@mbbank.com.vn
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty đại chúng
- Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính:

Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội được thực hiện các hoạt động của loại hình ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật và của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, gồm các hoạt động sau đây:

- 1) Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.
- 2) Phát hành chứng chỉ tiền gửi
- 3) Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:
 - a) Cho vay;
 - b) Chiết khấu, tái chiết khấu;
 - c) Bảo lãnh ngân hàng;
 - d) Phát hành thẻ tín dụng;
 - đ) Bao thanh toán trong nước; bao thanh toán quốc tế;



- e) Thu tín dụng
- 4) Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.
- 5) Cung ứng các phương tiện thanh toán
- 6) Cung ứng các dịch vụ thanh toán qua tài khoản sau đây:
- a) Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước bao gồm séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, chuyển tiền, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ;
 - b) Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế theo quy định của Ngân hàng Nhà nước
- 7) Vay Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn.
- 8) Mua, bán giấy tờ có giá với Ngân hàng nhà nước
- 9) Cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi, mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Ngân hàng Nhà nước
- 10) Vay nước ngoài theo quy định của pháp luật
- 11) Mở tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước
- 12) Mở tài khoản thanh toán tại tổ chức tín dụng được cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản.
- 13) Mở tài khoản thanh toán ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối.
- 14) Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.
- 15) Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước
- 16) Kinh doanh, cung ứng cho khách hàng ở trong nước và nước ngoài các dịch vụ, sản phẩm về ngoại hối trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước quy định.
- 17) Kinh doanh, cung ứng cho khách hàng ở trong nước và nước ngoài các dịch vụ, sản phẩm phái sinh về lãi suất
- 18) Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong hoạt động ngân hàng, giao đại lý thanh toán theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- 19) Đại lý bảo hiểm theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm, phù hợp với phạm vi hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
- 20) Các hoạt động kinh doanh khác
- a) Dịch vụ quản lý tiền mặt; dịch vụ ngân quỹ cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; dịch vụ bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn;
 - b) Cung ứng các dịch vụ chuyển tiền, thu hộ, chi hộ không qua tài khoản;
 - c) Mua, bán tín phiếu Ngân hàng Nhà nước, trái phiếu doanh nghiệp; mua, bán công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương và các giấy tờ có giá khác;
 - d) Dịch vụ môi giới tiền tệ;
 - đ) Kinh doanh vàng;
 - e) Dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán, thu tín dụng;
 - g) Tư vấn về hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác quy định trong Giấy phép;
 - h) Phát hành trái phiếu;
 - i) Lưu ký chứng khoán;
 - k) Đại lý quản lý tài sản bảo đảm cho bên cho vay là tổ chức tài chính quốc tế, tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

- 21) Cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa.
 22) Dầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ.
 23) Mua nợ.

- Mã số thuế: 0100283873

2. Kỳ báo cáo: kỳ báo cáo năm 2025 (từ ngày 01/01/2025 đến 31/12/2025)

3. Tình hình thực hiện quy định về công bố thông tin theo từng mã trái phiếu đang còn dư nợ*

**Danh sách Trái phiếu còn dư nợ trong kỳ báo cáo*

STT	Mã Trái phiếu	Tình hình thực hiện công bố thông tin định kỳ (tuân thủ/không tuân thủ)	Tình hình thực hiện công bố thông tin về việc mua lại, hoán đổi, chuyển đổi, thực hiện quyền (nếu có) (tuân thủ/không tuân thủ)	Tình hình thực hiện công bố thông tin bất thường (tuân thủ/không tuân thủ)	Tình hình thực hiện công bố thông tin khác (tuân thủ/không tuân thủ)
1	MB.BOND.2017.10Y.01	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
2	MB.BOND.2017.10Y.08	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
3	MB.2018.10Y.01	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
4	MB.2018.10Y.02	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
5	MB.2018.10Y.03	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
6	MB.2018.10Y.04	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
7	MB.2018.10Y.05	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
8	MB.2019.10Y.01	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
9	MB.2019.10Y.02	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
10	MB.2018.7Y.01	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
11	MB.2018.7Y.02	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
12	MBBH2128002	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
13	MBBL2128001	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
14	MBBL2128004	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
15	MBBL2128005	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
16	MBBL2128008	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
17	MBBL2128009	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
18	MBBL2128011	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
19	MBBL2227006	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
20	MBBL2227007	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
21	MBBL2227008	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
22	MBBL2227015	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
23	MBBL2229016	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
24	MBBL2229020	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
25	MBBL2229021	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
26	MBBL2328008	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ

[illegible]

71	MBB12509	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
72	MBB12512	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
73	MBB12508	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
74	MBB12510	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
75	MBB12511	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
76	MBB12513	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
77	MBB12514	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
78	MBB12515	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
79	MBB12516	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
80	MBB12517	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
81	MBB12518	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
82	MBB12519	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
83	MBB12520	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
84	MBB12521	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
85	MBB12522	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
86	MBB12523	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
87	MBB12524	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
88	MBB12525	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
89	MBB12526	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
90	MBB12527	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
91	MBB12528	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
92	MBB12529	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
93	MBB12530	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
94	MBB12531	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
95	MBB12532	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
96	MBB12533	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ

4. Tình hình thực hiện các cam kết khác theo từng mã trái phiếu đang còn dư nợ* :

*Danh sách Trái phiếu còn dư nợ trong kỳ báo cáo

STT	Mã trái phiếu	Ngày phát hành	Nội dung	Chi tiết	Kết quả tuân thủ
1	MB.BOND.2017.10Y.01	07/09/2017	Mục đích phát hành (Nêu cụ thể)	Chi tiết tại Phụ Lục đính kèm	Tuân thủ
2	MB.BOND.2017.10Y.08	10/10/2017			
3	MB.2018.10Y.01	16/10/2018			
4	MB.2018.10Y.02	17/10/2018			
5	MB.2018.10Y.03	26/10/2018			
6	MB.2018.10Y.04	28/11/2018			
7	MB.2018.10Y.05	28/11/2018			
8	MB.2019.10Y.01	30/09/2019			
9	MB.2019.10Y.02	04/11/2019			
10	MB.2018.7Y.01	29/11/2018			
11	MB.2018.7Y.02	12/12/2018			
12	MBBH2128002	31/08/2021			
13	MBBL2128001	31/08/2021			Không áp dụng
14	MBBL2128004	10/09/2021			

15	MBBL2128005	20/09/2021	Tài sản bảo đảm/bảo lãnh thanh toán (Nêu cụ thể)	Chi tiết tại Phụ Lục đính kèm	
16	MBBL2128008	05/10/2021			
17	MBBL2128009	25/10/2021			
18	MBBL2128011	25/10/2021			
19	MBBL2227006	29/04/2022			
20	MBBL2227007	06/05/2022			
21	MBBL2227008	09/05/2022			
22	MBBL2227015	15/06/2022			
23	MBBL2229016	15/06/2022			
24	MBBL2229020	16/09/2022			
25	MBBL2229021	30/12/2022	Tình hình thanh toán lãi, gốc trái phiếu (Nêu cụ thể)	Chi tiết tại Phụ Lục đính kèm	Đủ ; Đúng hạn
26	MBBL2328008	12/12/2023			
27	MBBL2330001	22/09/2023			
28	MBBL2330002	29/09/2023			
29	MBBL2330003	03/10/2023			
30	MBBL2330004	13/10/2023			
31	MBBL2330005	25/10/2023			
32	MBBL2330006	17/11/2023			
33	MBBL2330007	07/12/2023			
34	MBBL2330009	18/12/2023			
35	MBBL2330010	28/12/2023			
36	MBBL2330011	29/12/2023			
37	MBBL2330012	29/12/2023			
38	MBBL2431001	27/03/2024	Cam kết mua lại trước hạn	Chi tiết tại Phụ Lục đính kèm	Tuân thủ
39	MBBL2431002	29/03/2024			
40	MBBL2434003	29/03/2024			
41	MBBL2432004	04/04/2024			
42	MBBL2431005	08/04/2024			
43	MBBL2431006	08/04/2024			
44	MBBL2431007	09/04/2024			
45	MBBL2434008	17/04/2024			
46	MBBL2431009	22/04/2024			
47	MBBL2431010	26/04/2024			
48	MBBL2431011	27/05/2024	Cam kết về chuyển đổi trái phiếu	Chi tiết tại Phụ Lục đính kèm	Không áp dụng
49	MBBL2431013	20/06/2024			
50	MBBL2426012	19/06/2024			
51	MBBL2426014	20/06/2024			
52	MBBL2427015	23/07/2024			
53	MBBL2427016	24/07/2024			
54	MBBL2427017	25/07/2024			
55	MBBL2426018	25/07/2024			
56	MBBL2426019	26/07/2024			
57	MBBL2427020	01/08/2024			
58	MBBL2427021	05/08/2024			

59	MBBL2431023	19/12/2024			
60	MBBL2431024	20/12/2024			
61	MBBL2432022	17/12/2024			
62	MBBL2432025	20/12/2024			
63	MBBL2432026	23/12/2024			
64	MBBL2432027	23/12/2024			
65	MBB12501	29/04/2025			
66	MBB12503	09/05/2025			
67	MBB12504	14/05/2025			
68	MBB12505	30/05/2025			
69	MBB12506	06/06/2025	Các cam kết khác của doanh nghiệp phát hành	Chi tiết tại Phụ Lục đính kèm	Tuân thủ
70	MBB12507	18/06/2025			
71	MBB12509	20/06/2025			
72	MBB12512	24/06/2025			
73	MBB12508	19/06/2025			
74	MBB12510	23/06/2025			
75	MBB12511	24/06/2025			
76	MBB12513	07/07/2025			
77	MBB12514	16/07/2025			
78	MBB12515	18/07/2025			
79	MBB12516	18/07/2025			
80	MBB12517	21/07/2025			
81	MBB12518	23/07/2025			
82	MBB12519	06/08/2025			
83	MBB12520	12/08/2025			
84	MBB12521	20/08/2025			
85	MBB12522	26/08/2025			
86	MBB12523	29/08/2025			
87	MBB12524	03/09/2025			
88	MBB12525	08/09/2025			
89	MBB12526	30/09/2025			
90	MBB12527	15/12/2025			
91	MBB12528	16/12/2025			
92	MBB12529	17/12/2025			
93	MBB12530	22/12/2025			
94	MBB12531	29/12/2025			
95	MBB12532	30/12/2025			
96	MBB12533	30/12/2025			

Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, tính chính xác và đầy đủ của thông tin công bố nêu trên./.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận :

- Như trên ;

- Lưu VT, Trea, TA (03)

**NGƯỜI LẬP BÁO CÁO
TRƯỞNG PHÒNG KINH DOANH
TRÁI PHIẾU VÀ PHÁT HÀNH**



Phạm Hồng Quân

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Minh Châu

PHỤ LỤC

1. Mục đích phát hành

STT	Mã trái phiếu	Mục đích sử dụng
1	MB.BOND.2017.10Y.01	Giúp Ngân hàng đa dạng giá kênh huy động vốn của mình, hạn chế rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất do chênh lệch kỳ hạn giữa nguồn vốn huy động và việc sử dụng vốn, đồng thời hướng tới phục vụ khách hàng ngày càng hiệu quả hơn; bổ sung nguồn vốn cấp 2 và vốn tự có theo quy định của NHNN.
2	MB.BOND.2017.10Y.08	
3	MB.2018.10Y.01	Giúp Ngân hàng đa dạng giá kênh huy động vốn của mình, hạn chế rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất do chênh lệch kỳ hạn giữa nguồn vốn huy động và việc sử dụng vốn, đồng thời hướng tới phục vụ khách hàng ngày càng hiệu quả hơn; bổ sung vốn tự có theo quy định của NHNN và tăng quy mô vốn hoạt động của Ngân hàng.
4	MB.2018.10Y.02	
5	MB.2018.10Y.03	
6	MB.2018.10Y.04	
7	MB.2018.10Y.05	
8	MB.2018.7Y.01	
9	MB.2018.7Y.02	
10	MB.2019.10Y.01	Tăng quy mô vốn hoạt động của Ngân hàng và bổ sung vốn tự có theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Thời điểm giải ngân nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu sẽ theo thực tế sử dụng tiền thu được tại thời điểm đó nhưng không quá 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày công bố thông tin kết quả của đợt chào bán. Kế hoạch sử dụng nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu trong trường hợp tạm thời nhàn rỗi (nếu có) được gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và/hoặc tại (các) Tổ chức tín dụng khác.
11	MB.2019.10Y.02	
12	MBBH2128002	Bổ sung vốn cấp 2 dài hạn theo quy định của NHNN, phục vụ nhu cầu cấp tín dụng cũng như tăng quy mô vốn hoạt động của Ngân hàng nhằm đáp ứng mục tiêu tăng trưởng kinh doanh năm 2021 và các năm tiếp theo. Thời điểm giải ngân nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu sẽ theo thực tế sử dụng tiền thu được tại thời điểm đó nhưng không quá 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày công bố thông tin kết quả của đợt chào bán. Kế hoạch sử dụng nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu trong
13	MBBL2128001	
14	MBBL2128004	
15	MBBL2128005	
16	MBBL2128008	

17	MBBL2128009	trường hợp tạm thời nhàn rỗi (nếu có) được gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và/hoặc tại (các) Tổ chức tín dụng khác.
18	MBBL2128011	
19	MBBL2227006	Bổ sung vốn cấp II dài hạn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, phục vụ nhu cầu cấp tín dụng và/hoặc đầu tư cũng như tăng quy mô vốn hoạt động của Ngân hàng nhằm đáp ứng mục tiêu tăng trưởng kinh doanh năm 2022 và các năm tiếp theo, phù hợp với quy định pháp luật tổ chức tín dụng. Thời điểm giải ngân nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu sẽ theo thực tế sử dụng tiền thu được tại thời điểm đó nhưng không quá 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày công bố thông tin kết quả của đợt chào bán. Kế hoạch sử dụng nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu trong trường hợp tạm thời nhàn rỗi (nếu có) được gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và/hoặc tại (các) Tổ chức tín dụng khác.
20	MBBL2227007	
21	MBBL2227008	
22	MBBL2227015	
23	MBBL2229016	
24	MBBL2229020	
25	MBBL2229021	Tăng vốn cấp 2 theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Kế hoạch sử dụng: Số tiền thu được từ việc phát hành Trái phiếu sẽ được MB sử dụng để tăng vốn cấp 2, để cho vay đối với các khách hàng có nhu cầu vay vốn tại MB. Thời điểm giải ngân nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu sẽ theo thực tế sử dụng tiền thu được tại thời điểm đó nhưng không quá 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày công bố thông tin kết quả của đợt chào bán. Kế hoạch sử dụng nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu trong trường hợp tạm thời nhàn rỗi (nếu có) được gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và/hoặc tại (các) Tổ chức tín dụng khác.
26	MBBL2328008	Tăng vốn cấp 2 theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Kế hoạch sử dụng: Số tiền thu được từ việc phát hành Trái phiếu sẽ được MB sử dụng để tăng vốn cấp 2, cụ thể để cho vay đối với các khách hàng có nhu cầu vay vốn tại MB. Thời điểm giải ngân nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu sẽ theo thực tế sử dụng tiền thu được tại thời điểm đó nhưng không quá 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày công bố thông tin kết quả của đợt chào bán. Kế hoạch sử dụng nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu trong trường hợp tạm thời nhàn rỗi (nếu có) được gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và/hoặc tại (các) Tổ chức tín dụng khác.
27	MBBL2330001	
28	MBBL2330002	
29	MBBL2330003	
30	MBBL2330004	
31	MBBL2330005	
32	MBBL2330006	
33	MBBL2330007	
34	MBBL2330009	
35	MBBL2330010	
36	MBBL2330011	Tăng vốn cấp 2 theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

37	MBBL2330012	Kế hoạch sử dụng: Số tiền thu được từ việc phát hành Trái phiếu sẽ được MB sử dụng để tăng vốn cấp 2, để cho vay đối với các khách hàng có nhu cầu vay vốn tại MB. Thời điểm giải ngân nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu sẽ theo thực tế sử dụng tiền thu được tại thời điểm đó nhưng không quá 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày công bố thông tin kết quả của đợt chào bán. Kế hoạch sử dụng nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu trong trường hợp tạm thời nhàn rỗi (nếu có) được gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và/hoặc tại (các) Tổ chức tín dụng khác.
38	MBBL2431001	
39	MBBL2431002	
40	MBBL2434003	
41	MBBL2432004	
42	MBBL2431005	
43	MBBL2431006	
44	MBBL2431007	
45	MBBL2434008	
46	MBBL2431009	
47	MBBL2431010	
48	MBBL2431011	
49	MBBL2431013	
50	MBBL2431023	Tăng vốn cấp 2 theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Kế hoạch sử dụng: Số tiền thu được từ việc phát hành Trái phiếu sẽ được MB sử dụng để tăng vốn cấp 2, để cho vay đối với các khách hàng có nhu cầu vay vốn tại MB và/hoặc phục vụ các hoạt động, kinh doanh khác của MB phù hợp với quy định của pháp luật. Thời điểm giải ngân nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu sẽ theo thực tế sử dụng tiền thu được tại thời điểm đó nhưng không quá 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày công bố thông tin kết quả của đợt chào bán. Kế hoạch sử dụng nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu trong trường hợp tạm thời nhàn rỗi (nếu có) được gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và/hoặc tại (các) Tổ chức tín dụng khác.
51	MBBL2431024	
52	MBBL2432022	
53	MBBL2432025	
54	MBBL2432026	
55	MBBL2432027	
56	MBBL2427015	Phục vụ nhu cầu cấp tín dụng, đầu tư của Ngân hàng nhằm đáp ứng mục tiêu tăng trưởng kinh doanh năm 2024 và các năm tiếp theo. Kế hoạch sử dụng: Phục vụ nhu cầu cấp tín dụng, đầu tư của MB trong năm 2024 và các năm tiếp theo. Thời điểm giải ngân nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu sẽ theo tình hình thực tế sử dụng tiền thu được tại thời điểm đó.
57	MBBL2427016	
58	MBBL2427017	
59	MBBL2426012	
60	MBBL2426014	
61	MBBL2426018	
62	MBBL2426019	

63	MBBL2427020	
64	MBBL2427021	
65	MBB12501	Tăng vốn cấp 2 theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
66	MBB12503	Kế hoạch sử dụng: Số tiền thu được từ việc phát hành Trái phiếu sẽ được MB sử dụng để tăng vốn cấp 2, để cho vay đối với các khách hàng có nhu cầu vay vốn tại MB và/hoặc phục vụ các hoạt động, kinh doanh khác của MB phù hợp với quy định của pháp luật. Thời điểm giải ngân nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu sẽ theo thực tế sử dụng tiền thu được tại thời điểm đó nhưng không quá 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày công bố thông tin kết quả của đợt chào bán. Kế hoạch sử dụng nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu trong trường hợp tạm thời nhận rồi (nếu có) được gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và/hoặc tại (các) Tổ chức tín dụng khác.
67	MBB12504	
68	MBB12505	
69	MBB12506	
70	MBB12507	Tăng vốn cấp 2 theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Kế hoạch sử dụng: Số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu sẽ được MB sử dụng để tăng vốn cấp 2, để cho vay đối với khách hàng cá nhân và/hoặc khách hàng tổ chức tại MB phù hợp với quy định pháp luật.
71	MBB12509	Thời điểm giải ngân nguồn vốn thu được từ phát hành Trái Phiếu sẽ theo tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được tại thời điểm đó nhưng không quá 180 (một trăm tám mươi) ngày kể từ ngày công bố thông tin kết quả của đợt chào bán.
72	MBB12512	Kế hoạch sử dụng nguồn vốn thu được từ phát hành Trái phiếu trong trường hợp tạm thời nhận rồi (nếu có) được gửi tại tài khoản của MB tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và/hoặc tại (các) Tổ chức tín dụng khác.
73	MBB12508	Phát hành trái phiếu phục vụ nhu cầu cho vay khách hàng cá nhân và/hoặc khách hàng tổ chức của Ngân hàng nhằm đáp ứng mục tiêu tăng trưởng kinh doanh năm 2025 và các năm tiếp theo, phù hợp quy định của Luật Các Tổ Chức Tín Dụng. Kế hoạch sử dụng: Phục vụ nhu cầu cho vay khách hàng cá nhân và/hoặc khách hàng tổ chức của MB trong năm 2025 và các năm tiếp theo.
74	MBB12510	Thời điểm giải ngân nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu sẽ theo tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được tại thời điểm đó nhưng không quá 180 (một trăm tám mươi) ngày kể từ ngày công bố thông tin kết quả của đợt chào bán.
75	MBB12511	Kế hoạch sử dụng nguồn vốn thu được từ phát hành Trái phiếu trong trường hợp tạm thời nhận rồi (nếu có) sẽ được gửi tại tài khoản của MB tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và/hoặc tại (các) Tổ chức tín dụng khác.

76	MBB12513	Tăng vốn cấp 2 theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
77	MBB12514	Kế hoạch sử dụng: Số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu sẽ được MB sử dụng để tăng vốn cấp 2, để cho vay đối với khách hàng cá nhân và/hoặc khách hàng tổ chức tại MB phù hợp với quy định pháp luật.
78	MBB12515	Thời điểm giải ngân nguồn vốn thu được từ phát hành Trái Phiếu sẽ theo tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được tại thời điểm đó nhưng không quá 180 (một trăm tám mươi) ngày kể từ ngày công bố thông tin kết quả của đợt chào bán. Kế hoạch sử dụng nguồn vốn thu được từ phát hành Trái phiếu trong trường hợp tạm thời nhàn rỗi (nếu có) được gửi tại tài khoản của MB tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và/hoặc tại (các) Tổ chức tín dụng khác.
79	MBB12516	Tăng vốn cấp 2 theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
80	MBB12517	Kế hoạch sử dụng: Số tiền thu được từ việc phát hành Trái Phiếu sẽ được MB sử dụng để tăng vốn cấp 2, để cho vay đối với các khách hàng cá nhân và/hoặc khách hàng tổ chức tại MB phù hợp với quy định pháp luật.
81	MBB12518	
82	MBB12519	Thời điểm giải ngân nguồn vốn thu được từ phát hành Trái Phiếu sẽ theo tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được tại thời điểm đó nhưng không quá 180 (một trăm tám mươi) ngày kể từ ngày công bố thông tin kết quả của đợt chào bán. Kế hoạch sử dụng nguồn vốn thu được từ phát hành Trái phiếu trong trường hợp tạm thời nhàn rỗi (nếu có) được gửi tại tài khoản của MB tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và/hoặc tại (các) Tổ chức tín dụng khác.
83	MBB12520	Phát hành trái phiếu phục vụ nhu cầu cho vay khách hàng cá nhân và/hoặc khách hàng tổ chức của Ngân hàng nhằm đáp ứng mục tiêu tăng trưởng kinh doanh năm 2025 và các năm tiếp theo, phù hợp quy định của Luật Các Tổ Chức Tín Dụng. Kế hoạch sử dụng: Phục vụ nhu cầu cho vay khách hàng cá nhân và/hoặc khách hàng tổ chức của MB trong năm 2025 và các năm tiếp theo. Thời điểm giải ngân nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu sẽ theo tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được tại thời điểm đó nhưng không quá 180 (một trăm tám mươi) ngày kể từ ngày công bố thông tin kết quả của đợt chào bán. Kế hoạch sử dụng nguồn vốn thu được từ phát hành Trái phiếu trong trường hợp tạm thời nhàn rỗi (nếu có) sẽ được gửi tại tài khoản của MB tại NHNN Việt Nam và/hoặc tại (các) Tổ chức tín dụng khác.
84	MBB12521	Tăng vốn cấp 2 theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

85	MBB12522	Kế hoạch sử dụng: Số tiền thu được từ việc phát hành Trái Phiếu sẽ được MB sử dụng để tăng vốn cấp 2, để cho vay đối với các khách hàng cá nhân và/hoặc khách hàng tổ chức tại MB phù hợp với quy định pháp luật.
86	MBB12523	Thời điểm giải ngân nguồn vốn thu được từ phát hành Trái Phiếu sẽ theo tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được tại thời điểm đó nhưng không quá 180 (một trăm tám mươi) ngày kể từ ngày công bố thông tin kết quả của đợt chào bán. Kế hoạch sử dụng nguồn vốn thu được từ phát hành Trái phiếu trong trường hợp tạm thời nhàn rỗi (nếu có) được gửi tại tài khoản của MB tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và/hoặc tại (các) Tổ chức tín dụng khác
87	MBB12524	Phát hành trái phiếu phục vụ nhu cầu cho vay khách hàng cá nhân và/hoặc khách hàng tổ chức của Ngân hàng nhằm đáp ứng mục tiêu tăng trưởng kinh doanh năm 2025 và các năm tiếp theo, phù hợp quy định của Luật Các Tổ Chức Tín Dụng.
88	MBB12525	Kế hoạch sử dụng: Phục vụ nhu cầu cho vay khách hàng cá nhân và/hoặc khách hàng tổ chức của MB trong năm 2025 và các năm tiếp theo. Thời điểm giải ngân nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu sẽ theo tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được tại thời điểm đó nhưng không quá 180 (một trăm tám mươi) ngày kể từ ngày công bố thông tin kết quả của đợt chào bán. Kế hoạch sử dụng nguồn vốn thu được từ phát hành Trái phiếu trong trường hợp tạm thời nhàn rỗi (nếu có) sẽ được gửi tại tài khoản của MB tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và/hoặc tại (các) Tổ chức tín dụng khác.
89	MBB12526	Tăng vốn cấp 2 theo quy định của NHNN Việt Nam.
90	MBB12527	Kế hoạch sử dụng: Số tiền thu được từ việc phát hành Trái Phiếu sẽ được MB sử dụng để tăng vốn cấp 2, để cho vay đối với các khách hàng cá nhân và/hoặc khách hàng tổ chức tại MB phù hợp với quy định pháp luật.
91	MBB12528	
92	MBB12529	Thời điểm giải ngân nguồn vốn thu được từ phát hành Trái Phiếu sẽ theo tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được tại thời điểm đó nhưng không quá 180 (một trăm tám mươi) ngày kể từ ngày công bố thông tin kết quả của đợt chào bán.
93	MBB12530	
94	MBB12531	Kế hoạch sử dụng nguồn vốn thu được từ phát hành Trái phiếu trong trường hợp tạm thời nhàn rỗi (nếu có) được gửi tại tài khoản của MB tại NHNN Việt Nam và/hoặc tại (các) Tổ chức tín dụng khác.
95	MBB12532	
96	MBB12533	

2. **Tài sản bảo đảm:** Trái phiếu không có tài sản bảo đảm, không có bảo lãnh thanh toán

3. **Tình hình thanh toán lãi, gốc trái phiếu:**

Chi tiết nội dung	Kết quả thực hiện
Ngân hàng TMCP Quân đội đã thực hiện thanh toán đầy đủ, đúng hạn các khoản thanh toán lãi, gốc trái phiếu và đã thực hiện công bố thông tin đúng theo quy định tại Nghị định 153/2020/NĐ-CP; Nghị định 65/2022/NĐ-CP; Thông tư 122/2020/TT-BTC và Thông tư 76/2024/TT-BTC	Tuân thủ

4. Cam kết mua lại trước hạn

Chi tiết nội dung						Kết quả thực hiện
Trong kỳ báo cáo từ 01/01/2025 đến 31/12/2025, Ngân hàng TMCP Quân đội đã thực hiện mua lại trước hạn các mã Trái phiếu sau:						Tuân thủ
STT	Mã trái phiếu	Ngày mua lại	Giá trị trước khi mua lại (tỷ đồng)	Giá trị mua lại (tỷ đồng)	Giá trị lưu hành sau mua lại (tỷ đồng)	
1	MBBL2426012	19/06/2025	2.000	2.000	0	
2	MBBL2426014	20/06/2025	2.000	2.000	0	
3	MBBL2330004	13/10/2025	500	500	0	
4	MBBL2330005	25/10/2025	1.000	1.000	0	
5	MBBL2330006	17/11/2025	500	500	0	
6	MBBL2330007	07/12/2025	400	400	0	
7	MBBL2330009	18/12/2025	200	200	0	

Chi tiết nội dung						Kết quả thực hiện
8	MBBL2330010	28/12/2025	100	100	0	
9	MBBL2330011	29/12/2025	199	199	0	
10	MBBL2330012	29/12/2025	150	150	0	
11	MBBL2427015	23/07/2025	2.000	2.000	0	
12	MBBL2427016	24/07/2025	2.000	2.000	0	
13	MBBL2427017	25/07/2025	2.000	2.000	0	
14	MBBL2426018	25/07/2025	2.000	2.000	0	
15	MBBL2426019	26/07/2025	2.000	2.000	0	
16	MBBL2427020	01/08/2025	2.000	2.000	0	
17	MBBL2427021	05/08/2025	2.000	2.000	0	
Ngân hàng TMCP Quân đội đã thực hiện đầy đủ và đúng hạn các cam kết mua lại trái phiếu theo quy định tại Bản Công bố thông tin các Điều Khoản và Điều Kiện Trái Phiếu và thực hiện công bố thông tin mua lại theo quy định tại Nghị định 153/2020/NĐ-CP; Nghị định 65/2022/NĐ-CP; Thông tư 122/2020/TT-BTC và Thông tư 76/2024/TT-BTC						

5. Cam kết về chuyển đổi trái phiếu: Không có

6. Các cam kết khác của doanh nghiệp phát hành và Kết quả thực hiện

STT	Chi tiết nội dung	Kết quả thực hiện
1	Cam kết liên quan tới điều kiện phát hành trái phiếu (a) Tổ Chức Phát Hành là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam thuộc đối tượng được quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 9 Nghị Định 153 và Bản Công Bố Thông Tin của từng đợt chào bán. (b) Tổ Chức Phát Hành có đầy đủ quyền, quyền hạn, thẩm quyền và đã thực hiện các thủ tục và có các chấp thuận nội bộ cần thiết phù hợp với điều lệ và các quy chế, quy định nội bộ đang có hiệu lực của Tổ Chức Phát Hành để phát hành Trái Phiếu và thực hiện các nghĩa vụ theo Trái Phiếu. (c) Việc Tổ Chức Phát Hành chào bán và phát hành Trái Phiếu sẽ không (i) vi phạm bất kỳ điều khoản nào của điều lệ, các quy chế, quy định nội bộ đang có hiệu lực của Tổ Chức Phát Hành, (ii) vi phạm hoặc dẫn đến vi phạm các quy định của pháp luật có liên quan đang áp dụng tại Ngày Phát Hành, hoặc (iii) trái với, mâu thuẫn hoặc dẫn đến bất kỳ sự vi phạm nào đối với bất kỳ hợp đồng hay thỏa thuận nào mà Tổ Chức Phát Hành là một bên. (d) Tổ Chức Phát Hành đã xin được mọi chấp thuận cần thiết từ (các) cấp có thẩm quyền về việc (i) chào bán và phát hành Trái Phiếu, ký kết và ban hành các Văn Kiện Trái Phiếu; và (ii) thực hiện và tuân thủ các nghĩa vụ, thỏa thuận và cam kết của Tổ Chức Phát Hành theo Trái Phiếu và các văn kiện trái phiếu. (e) Tổ Chức Phát Hành cam kết và khẳng định tại Ngày Phát Hành, Tổ Chức Phát Hành đáp ứng đầy đủ các điều kiện phát hành Trái Phiếu quy định tại Nghị định 153/2020/NĐ-CP; Nghị định 65/2022/NĐ-CP; Thông tư 122/2020/TT-BTC; Thông tư 76/2024/TT-BTC; và các quy định pháp luật sửa đổi, bổ sung và các văn bản pháp luật khác có liên quan. (f) Tổ Chức Phát Hành cam kết thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành, thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn trong 03 năm liên tiếp trước đợt phát hành Trái Phiếu;	Tuân thủ
2	Cam kết liên quan tới mục đích phát hành Tổ Chức Phát Hành quản lý, sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành Trái Phiếu theo đúng mục đích nêu tại Phương Án Phát Hành đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và Bản Công Bố Thông Tin và theo quy định của pháp luật.	Tuân thủ
3	Cam kết liên quan tới việc CBTT Tổ Chức Phát Hành phải thực hiện công bố thông tin theo quy định của Nghị Định 153/2020/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi bổ sung:	Tuân thủ





SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness

No: 2915/MB-HS

Hanoi, March 24, 2026

Re: Periodic disclosure of information on
the fulfillment of commitments to MB
bondholders for the reporting period of
2026

To: Vietnam Stock Exchange
Hanoi Stock Exchange
Valued Investors

Pursuant to the provisions of Circular No. 76/2024/TT-BTC dated November 6, 2024 of the Ministry of Finance guiding the information disclosure and reporting regime on private bond offerings and trading in the domestic market, as well as offshore corporate bond offerings, and Decree No. 65/2022/NĐ-CP amending and supplementing a number of articles of Decree No. 153/2022/NĐ-CP, Military Commercial Joint Stock Bank (MB) hereby discloses periodic information on the status of principal and interest payments as follows:

1. Information on the enterprise

- a) Enterprise name: Military Commercial Joint Stock Bank
- b) Enterprise Registration Certificate No. 0100283873 issued by the Hanoi Department of Planning and Investment, first issued on 30 September 1994 and most recently amended for the 54th time on 16 May 2024

Establishment and Operation License No. 03/GP-NHNN issued by the Governor of the State Bank of Vietnam on January 16, 2026, replacing License No. 100/GP-NHNN issued by the Governor of the State Bank of Vietnam on October 16, 2018, which replaced Establishment and Operation License No. 0054/NH-GP issued by the Governor of the State Bank of Vietnam on September 14, 1994. Head office address: 18 Le Van Luong, Yen Hoa Ward, Hanoi

Phone Number: 024 62661088

Fax: 024 62661080

Email: info@mbbank.vn

Website: <https://www.mbbank.com.vn/>

- c) Type of enterprise: Public company (commercial joint stock bank)
- d) Principal business activities:
 - Accept demand deposits, term deposits, savings deposits, and other types of deposits.
 - Issue deposit certificates.
 - Extend credit in the following forms:
 - Lending;
 - Discounting and rediscounting;
 - Bank guarantees;
 - Issuance of credit cards;
 - Domestic factoring; international factoring;

- Letters of credit.
 - Open payment accounts for customers.
 - Provide payment instruments.
 - Provide the following account-based payment services:
- Provide domestic payment services, including checks, payment orders, authorized payment orders, collection orders, authorized collection orders, money transfers, bank cards, and collection and disbursement services;
- Provide international payment services in accordance with regulations of the State Bank of Vietnam.
 - Borrow from the State Bank of Vietnam in the form of refinancing.
 - Buy and sell valuable papers with the State Bank of Vietnam.
 - Lend, borrow, deposit, accept deposits, and buy/sell valuable papers on a term basis with credit institutions and foreign bank branches in accordance with regulations of the State Bank of Vietnam.
 - Borrow from abroad in accordance with the law.
 - Open payment accounts at the State Bank of Vietnam.
 - Open payment accounts at credit institutions providing account-based payment services.
 - Open payment accounts overseas in accordance with foreign exchange regulations.
 - Organize internal payment systems and participate in the national interbank payment system.
 - Contribute capital and purchase shares in accordance with the law and guidance of the State Bank of Vietnam.
 - Conduct business and provide to domestic and foreign customers foreign exchange-related services and products within the scope permitted by the State Bank of Vietnam.
 - Conduct business and provide to domestic and foreign customers interest rate derivative services and products.
 - Act as trustee, entrustee, and agent in banking activities, and perform payment agency services in accordance with regulations of the State Bank of Vietnam.
 - Act as an insurance agent in accordance with the laws on insurance business and within the scope of insurance agency activities permitted by the State Bank of Vietnam.
 - Other business activities:
- Cash management services; treasury services for credit institutions and foreign bank branches; asset safekeeping services; safe deposit box and vault rental;
- Provide money transfer, collection, and disbursement services not conducted through accounts;
- Buy and sell State Bank of Vietnam treasury bills, corporate bonds; buy and sell government debt instruments, government-guaranteed bonds, local government bonds, and other valuable papers;
- Money brokerage services;
- Gold trading;
- Other services related to guarantees and letters of credit;
- Advisory services on banking activities and other business activities stipulated in the License;
- Bond issuance;

- Securities depository services;
- Act as collateral asset management agent for lenders that are international financial institutions, foreign credit institutions, domestic credit institutions, and foreign bank branches.
 - Provide commodity price derivative products.
 - Invest in government bond futures contracts.
 - Debt purchase.

Tax code: 0100283873

2. Reporting period: Reporting year 2025 (from January 1, 2025 to December 31, 2025)
3. Status of compliance with information disclosure requirements for each outstanding bond code*

List of bonds with outstanding balances during the reporting period

No	Bond code	Status of periodic information disclosure (compliant/non-compliant)	Status of information disclosure on bond repurchase, exchange, conversion, or exercise of rights (if any) (compliant/non-compliant)	Status of extraordinary information disclosure (compliant/non-compliant)	Status of other information disclosure (compliant/non-compliant)
1	MB.BOND.2017.10Y.01	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
2	MB.BOND.2017.10Y.08	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
3	MB.2018.10Y.01	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
4	MB.2018.10Y.02	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
5	MB.2018.10Y.03	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
6	MB.2018.10Y.04	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
7	MB.2018.10Y.05	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
8	MB.2019.10Y.01	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
9	MB.2019.10Y.02	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
10	MB.2018.7Y.01	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
11	MB.2018.7Y.02	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
12	MBBH2128002	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
13	MBBL2128001	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
14	MBBL2128004	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
15	MBBL2128005	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
16	MBBL2128008	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
17	MBBL2128009	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
18	MBBL2128011	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
19	MBBL2227006	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
20	MBBL2227007	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
21	MBBL2227008	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
22	MBBL2227015	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
23	MBBL2229016	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
24	MBBL2229020	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
25	MBBL2229021	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
26	MBBL2328008	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
27	MBBL2330001	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
28	MBBL2330002	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
29	MBBL2330003	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance

30	MBBL2330004	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
31	MBBL2330005	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
32	MBBL2330006	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
33	MBBL2330007	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
34	MBBL2330009	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
35	MBBL2330010	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
36	MBBL2330011	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
37	MBBL2330012	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
38	MBBL2431001	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
39	MBBL2431002	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
40	MBBL2434003	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
41	MBBL2432004	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
42	MBBL2431005	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
43	MBBL2431006	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
44	MBBL2431007	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
45	MBBL2434008	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
46	MBBL2431009	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
47	MBBL2431010	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
48	MBBL2431011	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
49	MBBL2431013	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
50	MBBL2426012	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
51	MBBL2426014	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
52	MBBL2427015	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
53	MBBL2427016	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
54	MBBL2427017	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
55	MBBL2426018	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
56	MBBL2426019	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
57	MBBL2427020	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
58	MBBL2427021	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
59	MBBL2431023	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
60	MBBL2431024	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
61	MBBL2432022	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
62	MBBL2432025	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
63	MBBL2432026	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
64	MBBL2432027	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
65	MBB12501	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
66	MBB12503	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
67	MBB12504	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
68	MBB12505	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
69	MBB12506	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
70	MBB12507	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
71	MBB12509	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
72	MBB12512	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
73	MBB12508	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance

74	MBB12510	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
75	MBB12511	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
76	MBB12513	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
77	MBB12514	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
78	MBB12515	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
79	MBB12516	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
80	MBB12517	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
81	MBB12518	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
82	MBB12519	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
83	MBB12520	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
84	MBB12521	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
85	MBB12522	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
86	MBB12523	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
87	MBB12524	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
88	MBB12525	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
89	MBB12526	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
90	MBB12527	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
91	MBB12528	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
92	MBB12529	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
93	MBB12530	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
94	MBB12531	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
95	MBB12532	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
96	MBB12533	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance

4. Status of fulfillment of other commitments for each outstanding bond code*:

List of bonds with outstanding balances during the reporting period

STT	Bond code	Issue date	Content	Detail	Compliance result
1	MB.BOND.2017.10Y.01	07/09/2017	Purpose of issuance (Specify the details)	Details in the attached Appendix	Compliance
2	MB.BOND.2017.10Y.08	10/10/2017			
3	MB.2018.10Y.01	16/10/2018			
4	MB.2018.10Y.02	17/10/2018			
5	MB.2018.10Y.03	26/10/2018			
6	MB.2018.10Y.04	28/11/2018			
7	MB.2018.10Y.05	28/11/2018			
8	MB.2019.10Y.01	30/09/2019			
9	MB.2019.10Y.02	04/11/2019			
10	MB.2018.7Y.01	29/11/2018			
11	MB.2018.7Y.02	12/12/2018			
12	MBBH2128002	31/08/2021			
13	MBBL2128001	31/08/2021	Collateral/payment guarantee assets	Details in the attached Appendix	Not applicable
14	MBBL2128004	10/09/2021			
15	MBBL2128005	20/09/2021			
16	MBBL2128008	05/10/2021			
17	MBBL2128009	25/10/2021			

18	MBBL2128011	25/10/2021			
19	MBBL2227006	29/04/2022			
20	MBBL2227007	06/05/2022			
21	MBBL2227008	09/05/2022			
22	MBBL2227015	15/06/2022			
23	MBBL2229016	15/06/2022			
24	MBBL2229020	16/09/2022			
25	MBBL2229021	30/12/2022	Status of principal and interest payments of the bonds	Details in the attached Appendix	Compliance
26	MBBL2328008	12/12/2023			
27	MBBL2330001	22/09/2023			
28	MBBL2330002	29/09/2023			
29	MBBL2330003	03/10/2023			
30	MBBL2330004	13/10/2023			
31	MBBL2330005	25/10/2023			
32	MBBL2330006	17/11/2023			
33	MBBL2330007	07/12/2023			
34	MBBL2330009	18/12/2023			
35	MBBL2330010	28/12/2023			
36	MBBL2330011	29/12/2023			
37	MBBL2330012	29/12/2023	Commitment for early repurchase	Details in the attached Appendix	Compliance
38	MBBL2431001	27/03/2024			
39	MBBL2431002	29/03/2024			
40	MBBL2434003	29/03/2024			
41	MBBL2432004	04/04/2024			
42	MBBL2431005	08/04/2024			
43	MBBL2431006	08/04/2024			
44	MBBL2431007	09/04/2024			
45	MBBL2434008	17/04/2024			
46	MBBL2431009	22/04/2024			
47	MBBL2431010	26/04/2024			
48	MBBL2431011	27/05/2024	Commitment for bond conversion	Details in the attached Appendix	Not applicable
49	MBBL2431013	20/06/2024			
50	MBBL2426012	19/06/2024			
51	MBBL2426014	20/06/2024			
52	MBBL2427015	23/07/2024			
53	MBBL2427016	24/07/2024			
54	MBBL2427017	25/07/2024			
55	MBBL2426018	25/07/2024			
56	MBBL2426019	26/07/2024			
57	MBBL2427020	01/08/2024			
58	MBBL2427021	05/08/2024			
59	MBBL2431023	19/12/2024			
60	MBBL2431024	20/12/2024			
61	MBBL2432022	17/12/2024			

62	MBBL2432025	20/12/2024			
63	MBBL2432026	23/12/2024			
64	MBBL2432027	23/12/2024			
65	MBB12501	29/04/2025			
66	MBB12503	09/05/2025			
67	MBB12504	14/05/2025			
68	MBB12505	30/05/2025			
69	MBB12506	06/06/2025			
70	MBB12507	18/06/2025	Other commitments of the issuing company	Details in the attached Appendix	Compliance
71	MBB12509	20/06/2025			
72	MBB12512	24/06/2025			
73	MBB12508	19/06/2025			
74	MBB12510	23/06/2025			
75	MBB12511	24/06/2025			
76	MBB12513	07/07/2025			
77	MBB12514	16/07/2025			
78	MBB12515	18/07/2025			
79	MBB12516	18/07/2025			
80	MBB12517	21/07/2025			
81	MBB12518	23/07/2025			
82	MBB12519	06/08/2025			
83	MBB12520	12/08/2025			
84	MBB12521	20/08/2025			
85	MBB12522	26/08/2025			
86	MBB12523	29/08/2025			
87	MBB12524	03/09/2025			
88	MBB12525	08/09/2025			
89	MBB12526	30/09/2025			
90	MBB12527	15/12/2025			
91	MBB12528	16/12/2025			
92	MBB12529	17/12/2025			
93	MBB12530	22/12/2025			
94	MBB12531	29/12/2025			
95	MBB12532	30/12/2025			
96	MBB12533	30/12/2025			

We hereby undertake full responsibility before the law for the content and accuracy of the information disclosed above./.

Sincerely thank you

To:

- As above

- Archived: Office, Treasury; TA03

Prepared by:
Head of Fixedincome Department

On behalf of the General Director
Deputy General Director

Signed

Signed

Pham Hong Quan

Nguyen Minh Chau